

BẢN SAO

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2015

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

02 -03- 2016

SỐ CHỨNG THỰC: QUYỀN SỐ: SCT/BS



Nguyễn Cảnh Quang

PHÓ CHỦ TỊCH
NGUYỄN CẢNH QUANG



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	10 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2015.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2015 và đến ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Quang Huân	Chủ tịch
Ông Phùng Ngọc Sơn	Thành viên
Ông Trần Đình Khai	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Quang Huân	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Dũng	Phó Tổng Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/03/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

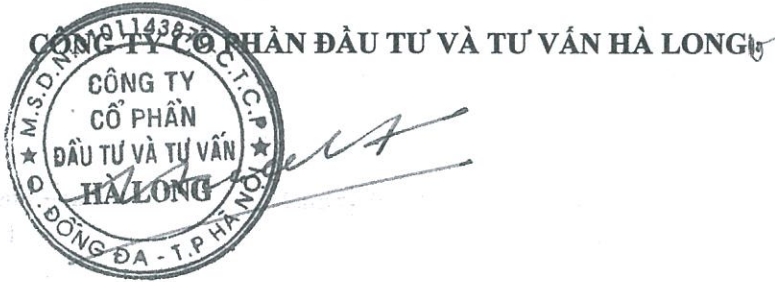
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Quang Huân
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2015



Số: 520 -15/BC-TC/IV-VAE

Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 21/10/2015, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/03/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/03/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Vấn đề khác

Các Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2015 của Công ty đã được kiểm toán và công bố với Báo cáo kiểm toán số 458-15/BC-TC/IV-VAE ngày 07/09/2015. Do thiếu thuyết minh công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 được phát hiện sau ngày công bố Báo cáo tài chính. Ban Tổng giám đốc Công ty đã trình bày bổ sung thuyết minh về Công cụ tài chính trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính và Báo cáo này là Báo cáo phát hành lại của Báo cáo kiểm toán và Báo cáo tài chính đã phát hành trước đó.



Phạm Hùng Sơn

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0813-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Phạm Việt Phú

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2367-2013-034-1

02
VC
HỆ
IV
II

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2015	01/04/2014
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		25.901.877.859	23.252.950.290
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		9.555.861.833	1.902.383.039
1 Tiền	111	V.1.	9.555.861.833	1.902.383.039
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.768.063.919	7.737.053.089
1 Phải thu của khách hàng	131	VIII.3.1	3.543.999.932	4.096.109.000
2 Trả trước cho người bán	132	VIII.3.2	173.750.000	533.150.005
5 Các khoản phải thu khác	135	V.2.	6.050.313.987	3.753.628.421
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	(645.834.337)
IV Hàng tồn kho	140		5.359.680.236	7.242.064.530
1 Hàng tồn kho	141	V.3.	5.359.680.236	7.242.064.530
V Tài sản ngắn hạn khác	150		1.218.271.871	6.371.449.632
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	121.095.164
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.933.966	2.933.966
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	VIII.3.3	1.215.337.905	6.247.420.502
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		46.413.170.263	32.308.155.381
II Tài sản cố định	220		538.283.277	1.502.697.689
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.4.	538.283.277	1.502.697.689
- Nguyên giá	222		1.558.502.597	3.411.895.485
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.020.219.320)	(1.909.197.796)
III Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.5.	44.695.913.483	30.173.605.127
1 Đầu tư vào công ty con	251		38.753.802.281	24.531.493.925
3 Đầu tư dài hạn khác	258		5.942.111.202	5.642.111.202
V Tài sản dài hạn khác	260		1.178.973.503	631.852.565
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6.	141.179.553	259.058.615
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.7.	1.037.793.950	372.793.950
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		72.315.048.122	55.561.105.671

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2015	01/04/2014
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		9.391.738.904	12.121.153.445
I Nợ ngắn hạn	310		9.391.738.904	12.121.153.445
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.8.	-	2.111.000.000
2 Phải trả người bán	312	VIII.3.4	112.762.170	856.345.116
3 Người mua trả tiền trước	313	VIII.3.5	2.337.179.766	3.154.087.578
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.9.	5.514.696.544	5.041.868.553
5 Phải trả người lao động	315		781.201.319	702.814.173
6 Chi phí phải trả	316	V.10.	-	50.400.000
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.11.	645.899.105	788.865.078
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	(584.227.053)
II Nợ dài hạn	330		-	-
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		62.923.309.218	43.439.952.226
I Vốn chủ sở hữu	410	V.12.	62.923.309.218	43.439.952.226
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		54.550.000.000	40.000.000.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		567.097.000	567.097.000
4 Cổ phiếu quỹ (*)	414		(832.308.000)	(324.646.000)
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		859.331.654	859.331.654
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		603.078.948	603.078.948
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.	420		7.176.109.616	1.735.090.624
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		72.315.048.122	55.561.105.671

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG

Người lập

Bùi Thị Xuyên

Kế toán trưởng

Lê Thành Đồng



Nguyễn Quang Huân

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính từ ngày 01/04/2014 đến 31/03/2015

CHỈ TIÊU	Mã Số	Thuyết Minh	Đơn vị tính: VND	
			Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015	Từ 01/04/2013 đến 31/03/2014
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.13.	44.133.873.539	28.430.347.102
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		44.133.873.539	28.430.347.102
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.14.	27.715.616.197	17.150.336.569
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		16.418.257.342	11.280.010.533
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.15.	180.886.235	318.009.126
7 Chi phí tài chính	22	VI.16.	324.394.652	524.007.217
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		90.954.827	511.213.089
8 Chi phí bán hàng	24		-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VIII.3.6	8.017.076.124	8.102.185.340
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		8.257.672.801	2.971.827.102
11 Thu nhập khác	31	VIII.3.7	1.076.268.488	956.423.043
12 Chi phí khác	32	VIII.3.8	4.254.554	258.271.953
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.072.013.934	698.151.090
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		9.329.686.735	3.669.978.192
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.17.	2.053.936.584	909.333.755
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		7.275.750.151	2.760.644.437

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG

Người lập



Bùi Thị Xuyên

Kế toán trưởng



Lê Thành Đồng



Nguyễn Quang Huân

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015	Từ 01/04/2013 đến 31/03/2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		9.329.686.735	3.669.978.192
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		209.657.503	534.577.669
- Các khoản dự phòng	03		(645.834.337)	322.128.815
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		4.805.623	(5.572.587)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(274.343.091)	(1.018.586.967)
- Chi phí lãi vay	06		90.954.827	511.213.089
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		8.714.927.260	4.013.738.211
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		3.646.906.104	(10.034.626.433)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.882.384.294	534.739.545
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(2.271.585.400)	1.593.566.489
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		238.974.226	173.554.816
- Tiền lãi vay đã trả	13		(90.954.827)	(511.213.089)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.855.900.693)	(800.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.278.000.000	2.311.306.183
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(3.225.031.796)	(3.169.604.428)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		8.317.719.168	(5.888.538.706)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		274.343.091	150.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(12.360.000.000)	(7.000.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		180.886.235	161.120.149
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(11.904.770.674)	(6.688.879.851)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		14.550.000.000	12.246.964.575
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(507.662.000)	(44.646.800)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		3.700.000.000	11.350.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(5.811.000.000)	(13.296.420.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(690.807.700)	(1.072.903.500)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		11.240.530.300	9.182.994.275
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</i>	50		7.653.478.794	(3.394.424.282)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		1.902.383.039	5.296.807.321
Ảnh hưởng của thay đổi TGHD quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (50+60+61)	70	V.01	9.555.861.833	1.902.383.039

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG

Người lập



Bùi Thị Xuyên

Kế toán trưởng



Lê Thành Đăng



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2015

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Thăng Long được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018205 đăng ký lần đầu ngày 02/07/2007. Hiện Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101143879 thay đổi lần thứ 11 ngày 17/12/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101143879 thay đổi lần thứ 11 ngày 17/12/2014 thì vốn điều lệ của Công ty là: **60.000.000.000 đồng** (Bằng chữ: Sáu mươi tỷ đồng chẵn).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực Tư vấn đầu tư.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Nghiên cứu thị trường; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.
- Khảo sát, điều tra xã hội học, lập kế hoạch đền bù tái định cư và đánh giá tác động môi trường các dự án; Tư vấn chuyển giao công nghệ.
- Hoạt động tư vấn quản lý, tư vấn đầu tư./.

Trụ sở chính

Địa chỉ: Căn 1001, Tòa nhà 101 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội

Tel: 04 3 562 4709 Fax: 04 3 562 4711

Chi nhánh: Chi nhánh Miền Tây Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long

Địa chỉ: 272K đường 30/4, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/04 và kết thúc vào ngày 31/03 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 - Chuẩn mực chung.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2015

(tiếp theo)

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2015 của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty tại Hà Nội và Chi nhánh Miền Tây tại Cần Thơ, các số dư nội bộ và giao dịch nội bộ giữa văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp".

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

4. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán Misa.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2015

(tiếp theo)

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính số dư các khoản tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại thời điểm 31/03/2015, Công ty không có hàng tồn kho cần phải trích lập dự phòng giảm giá.

3. Nguyên tắc ghi nhận và trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận nguyên giá và trích khấu hao tài sản cố định hữu hình được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định”.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định

Thời gian khấu hao <năm>

- Máy móc thiết bị	02 - 03
- Phương tiện vận tải	06 - 10

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm đầu tư vào Công ty con và các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2015
(tiếp theo)

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí đi vay

Các khoản vay ngắn hạn của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn là công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu dịch vụ tư vấn dự án giám sát về cơ sở hạ tầng kỹ thuật, phát triển toàn diện kinh tế xã hội và tái định cư môi trường... và doanh thu từ tiền lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu dịch vụ tư vấn dự án giám sát về cơ sở hạ tầng kỹ thuật, phát triển toàn diện kinh tế xã hội và tái định cư môi trường... được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã phát hành hóa đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác". Phần công việc đã hoàn thành của dịch vụ cung cấp được xác định theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.

Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính là chi phí lãi vay được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Đ. M. S. D.
H. H. V. T.
Đ. M. S. D.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2015

(tiếp theo)

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

12. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

12.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng. Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua. Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

12.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay ngắn và dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn của Công ty là khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, thời hạn vay là 06 tháng, được ghi nhận trên cơ sở chứng từ ngân hàng, các kế ước vay và các hợp đồng vay. Đến 31/03/2015 khoản vay này đã được tất toán.

12.3. Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10% đối với dịch vụ tư vấn dự án.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn

Giá vốn dịch vụ tư vấn dự án giám sát về cơ sở hạ tầng kỹ thuật, phát triển toàn diện kinh tế xã hội và tái định cư môi trường,... được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính từ ngày 01/04/2014 đến 31/03/2015

(tiếp theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/03/2015	01/04/2014
	VND	VND
Tiền mặt	125.096.680	130.839.854
Văn phòng Công ty	119.850.680	45.593.854
Tiền VND	119.850.680	45.435.054
Tiền USD	-	158.800
Chi nhánh Miền Tây	5.246.000	85.246.000
Tiền gửi ngân hàng	5.430.765.153	1.771.543.185
VND	5.390.803.641	1.317.165.153
Ngân hàng TMCP Quân đội - PGD Lò Đúc	11.222.068	697.187
Ngân hàng TMCP Quân đội - PGD Thành Công	25.695.755	2.806.082
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội	13	293.912
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thành Công	659.933.099	1.080.379.075
Ngân hàng TMCP VPBank - CN Ngô Quyền	2.390.333	25.271.041
Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Sở giao dịch	2.357.441	808.569
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Ba Đình	4.689.204.932	206.909.287
Ngoại tệ	29.425.029	443.783.095
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thành Công (USD)	8.658.975	7.344.904
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội (USD)	1.046.302	1.256.455
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thành Công (EURO)	6.507.140	14.988.572
Ngân hàng TMCP Quân đội - PGD Lò Đúc (USD)	1.012.576	991.182
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Ba Đình (USD)	12.200.036	419.201.982
Chi nhánh Miền Tây	10.536.483	10.594.937
Tiền đang chuyển	4.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thành Công	4.000.000.000	-
Tổng cộng	9.555.861.833	1.902.383.039

2. Các khoản phải thu khác

	31/03/2015	01/04/2014
	VND	VND
Đoàn Quang Ảnh	600.000.000	-
Ban quản lý dự án Nước và Vệ sinh tại các Thị trấn ở Việt Nam	1.310.000.000	340.816.761
Công ty Cổ phần Hòa Long	4.003.000.000	3.000.000.000

Mẫu số B 09 - D1

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính từ ngày 01/04/2014 đến 31/03/2015

(tiếp theo)

Phải thu Trung tâm Tái định cư & Phát triển Xã hội	-	19.015.957
Thu cán bộ công nhân viên	137.313.987	392.519.133
Tổng cộng	6.050.313.987	3.753.628.421

3. Hàng tồn kho

	31/03/2015	01/04/2014
	VND	VNI
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.359.680.236	7.242.064.530
Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho	5.359.680.236	7.242.064.530

4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: VND		
	Má y m ó c thi ế t b ị	Phươ ng ti ệ n v ậ n t ả i	T ồ ng c ộ ng
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/04/2014	43.957.143	3.367.938.342	3.411.895.485
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.853.392.888)	(1.853.392.888)
Số dư ngày 31/03/2015	43.957.143	1.514.545.454	1.558.502.597
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/04/2014	43.957.143	1.865.240.653	1.909.197.796
Khấu hao trong kỳ	-	209.657.503	209.657.503
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.098.635.979)	(1.098.635.979)
Số dư ngày 31/03/2015	43.957.143	976.262.177	1.020.219.320
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/04/2014	-	1.502.697.689	1.502.697.689
Tại ngày 31/03/2015	-	538.283.277	538.283.277

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 43.957.143 VND.

5. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/03/2015		01/04/2014	
	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)
Đầu tư vào Công ty con	3.875.380	38.753.802.281	2.453.149	24.531.493.925
Công ty Cổ Phần Nước Thuận Thành	3.245.380	32.453.802.281	1.823.149	18.231.493.925
Công ty CP Hòa Long	630.000	6.300.000.000	630.000	6.300.000.000

Mẫu số B 09 - D

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính từ ngày 01/04/2014 đến 31/03/2015

(tiếp theo)

Đầu tư dài hạn khác	500.000	5.942.111.202	500.000	5.642.111.200
TT Đào tạo và Truyền thông Doanh nhân Việt		300.000.000		
Công ty CP TMDV và Đầu tư Phú Hòa	500.000	5.000.000.000	500.000	5.000.000.000
Chi phí Dự án Văn phòng Mỹ Đình		175.476.062		175.476.062
Dự án Nhà máy Gạch Nam Định		461.507.958		461.507.958
Chi phí đầu tư các dự án khác		5.127.182		5.127.182
Tổng cộng		44.695.913.483		30.173.605.12
6. Chi phí trả trước dài hạn			31/03/2015	01/04/2015
			VND	VNI
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ			141.179.553	259.058.615
Tổng cộng			141.179.553	259.058.615
7. Phải thu dài hạn khác			31/03/2015	01/04/2015
			VND	VNI
Ký quỹ, ký cược dài hạn			1.037.793.950	372.793.950
Lê Minh Đức			21.300.000	21.300.000
Nguyễn Thị Hồng			15.000.000	15.000.000
Công ty TNHH La Vie - CN Hà Nội			3.000.000	3.000.000
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc			10.000.000	10.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - PGD Thành Công			188.013.900	274.013.900
Dương Tin Mừng			10.000.000	10.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng			790.480.050	39.480.050
Tổng cộng			1.037.793.950	372.793.950
8. Vay và nợ ngắn hạn			31/03/2015	01/04/2015
			VND	VNI
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng			-	2.111.000.000
Tổng cộng			-	2.111.000.000
9. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước			31/03/2015	01/04/2015
			VND	VNI
Thuế Giá trị gia tăng			1.854.128.868	2.636.157.784
Thuế Thu nhập doanh nghiệp			2.051.574.412	1.853.538.521
Thuế Thu nhập cá nhân			1.608.993.264	552.172.248

Mẫu số B 09 - D

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính từ ngày 01/04/2014 đến 31/03/2015

(tiếp theo)

10. Chi phí phải trả

	31/03/2015	01/04/2014
	VND	VNĐ
Trích trước chi phí thuê nhà	-	50.400.000
Tổng cộng	-	50.400.000

11. Các khoản phải trả phải nộp khác

	31/03/2015	01/04/2014
	VND	VNĐ
Kinh phí công đoàn	42.742.998	16.879.704
Bảo hiểm xã hội	245.055.361	322.984.861
Các khoản phải trả, phải nộp khác	358.100.746	449.000.513
Tổng cộng	645.899.105	788.865.078

12. Vốn chủ sở hữu**12.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư ngày 01/04/2013	27.753.035.425	1.479.577.467	29.232.612.892
Tăng vốn trong kỳ trước	12.246.964.575	-	12.246.964.575
Lãi trong kỳ trước	-	2.760.644.437	2.760.644.437
Trích lập các quỹ	-	(608.037.780)	(608.037.780)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	(824.190.000)	(824.190.000)
Chia cổ tức bằng tiền mặt	-	(1.072.903.500)	(1.072.903.500)
Số dư ngày 01/04/2014	40.000.000.000	1.735.090.624	41.735.090.624
Tăng vốn trong kỳ này	14.550.000.000	-	14.550.000.000
Lãi trong kỳ này	-	7.275.750.151	7.275.750.151
Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-
Trích lập các quỹ	-	(643.923.459)	(643.923.459)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Chia cổ tức bằng tiền	-	(690.807.700)	(690.807.700)
Số dư ngày 31/03/2015	54.550.000.000	7.176.109.616	61.726.109.616

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính từ ngày 01/04/2014 đến 31/03/2015

(tiếp theo)

12.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/03/2015	01/04/2014
	VND	VNĐ
Nguyễn Quang Huân	24.150.760.000	23.444.810.000
Lê Kim Anh	2.081.360.000	2.081.360.000
Nguyễn Quang Hưng	5.162.430.000	5.162.430.000
Phùng Ngọc Sơn	4.325.120.000	3.925.120.000
Trần Đình Khai	1.186.450.000	886.450.000
Lê Minh Đức	4.000.000.000	.
Phùng Thanh Thủy	4.900.000.000	.
Nguyễn Thị Tính	4.000.000.000	.
Các cổ đông khác	4.743.880.000	4.499.830.000
Tổng cộng	54.550.000.000	40.000.000.000

12.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2014
	VND	VNĐ
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	40.000.000.000	27.753.035.425
Vốn góp tăng trong kỳ	14.550.000.000	12.246.964.575
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối năm	54.550.000.000	40.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.190.807.700	1.897.093.500

12.4 Cổ phiếu

	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2014
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.455.000	4.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.455.000	4.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	83.231	32.465
- Cổ phiếu phổ thông	83.231	32.465
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.371.769	3.967.535
- Cổ phiếu phổ thông	5.371.769	3.967.535
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ 1 cổ phiếu		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính từ ngày 01/04/2014 đến 31/03/2015

(tiếp theo)

12.5 Các quỹ của doanh nghiệp

Khoản mục	01/04/2014	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Đơn vị tính: VND 31/03/2015
Quỹ đầu tư phát triển	859.331.654	-	-	859.331.65
Quỹ dự phòng tài chính	603.078.948	-	-	603.078.94
Tổng cộng	1.462.410.602	-	-	1.462.410.60

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**13. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015 VND	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015 VN
Doanh thu cung cấp dịch vụ Tư vấn Dự án	44.133.873.539	28.430.347.10
Tổng cộng	44.133.873.539	28.430.347.10

14. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015 VND	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015 VN
Giá vốn dịch vụ Tư vấn Dự án	27.715.616.197	17.150.336.56
Tổng cộng	27.715.616.197	17.150.336.56

15. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015 VND	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015 VN
Lãi tiền gửi ngân hàng	69.094.039	15.796.719
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	146.300.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	146.600.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	105.968.896	3.739.820
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	5.572.587
Doanh thu hoạt động tài chính khác	5.823.300	-
Tổng cộng	180.886.235	318.009.126

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính từ ngày 01/04/2014 đến 31/03/2015

(tiếp theo)

16. Chi phí tài chính

	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015	Từ 01/04/2013 đến 31/03/2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay	90.954.827	511.213.089
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	228.634.202	12.692.128
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.805.623	102.000
Tổng cộng	324.394.652	524.007.217

17. Chi phí thuế thu nhập hiện hành

	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015	Từ 01/04/2013 đến 31/03/2014
	VND	VND
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	45.391.028.262	29.704.779.271
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	36.061.341.527	26.034.801.079
Các khoản loại ra khi xác định CP thuế TNDN	6.388.648	32.643.173
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	9.336.075.383	3.637.335.019
Các khoản lỗ được kết chuyển	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.053.936.584	909.333.755

18. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015	Từ 01/04/2013 đến 31/03/2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	371.952.928	-
Chi phí nhân công	19.676.586.467	12.006.619.554
Chi phí khấu hao tài sản cố định	209.657.503	534.577.669
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.486.759.533	10.738.502.321
Chi phí bằng tiền khác	1.126.689.862	2.191.313.112
Tổng cộng	33.871.646.293	25.471.012.656

19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu không trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp này mà được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính từ ngày 01/04/2014 đến 31/03/2015

(tiếp theo)

20. Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích cho các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.8 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

<i>Công nợ tài chính</i>	31/03/2015	01/04/2014
	VND	VNĐ
Các khoản vay	-	2.111.000.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	9.555.861.833	1.902.383.039
Nợ thuần	-	208.616.961
Vốn chủ sở hữu	62.923.309.218	43.439.952.226
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	0,00%	0,48%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/03/2015	01/04/2014
	VND	VNĐ
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.555.861.833	1.902.383.039
Phải thu khách hàng và phải thu khác	9.594.313.919	7.203.903.084
Các khoản đầu tư tài chính	5.942.111.202	5.642.111.202
Tổng cộng	19.150.175.752	9.106.286.125

Công nợ tài chính

Các khoản vay	-	2.111.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	758.661.275	1.645.210.194
Chi phí phải trả	-	50.400.000
Tổng cộng	758.661.275	3.806.610.194

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP*Cho năm tài chính từ ngày 01/04/2014 đến 31/03/2015**(tiếp theo)*

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công cụ nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/03/2015	01/04/2014	31/03/2015	01/04/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	-	-	22.917.889	428.794.523
Euro (EUR)	-	-	6.507.140	14.988.572

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính từ ngày 01/04/2014 đến 31/03/2015

(tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/03/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VNE
Phải trả người bán và phải trả khác	758.661.275	-	758.661.275
Chi phí phải trả	-	-	-
Các khoản vay	-	-	-
01/04/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VNE
Phải trả người bán và phải trả khác	1.645.210.194	-	1.645.210.194
Chi phí phải trả	50.400.000	-	50.400.000
Các khoản vay	2.111.000.000	-	2.111.000.000

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Tổng giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/03/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VNE
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.555.861.833	-	9.555.861.833
Phải thu khách hàng và phải thu khác	9.594.313.919	-	9.594.313.919
Các khoản đầu tư tài chính	-	5.942.111.202	5.942.111.202
01/04/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VNE
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.902.383.039	-	1.902.383.039
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.203.903.084	-	7.203.903.084

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính từ ngày 01/04/2014 đến 31/03/2015

(tiếp theo)

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015	Từ 01/04/2013 đến 31/03/2014
	VND	VND
Tăng vốn góp bằng công cụ dụng cụ	40.000.000	-
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	500.000.000	824.190.000
Chuyển công nợ thành đầu tư	1.224.108.356	-
Dùng tài sản thanh lý đem góp vốn	274.343.091	-

VIII. Những thông tin khác**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2015.

2. Thông tin về các bên liên quan**2.1 Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ**

	Từ 01/04/2013 đến 31/03/2014
	VND
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	1.551.982.271
Tổng cộng	1.551.982.271

2.2 Giao dịch các bên liên quan

	Quan hệ với Công ty	Từ 01/04/2013 đến 31/03/2014	Từ 01/04/2013 đến 31/03/2014
		VND	VND
Doanh thu		1.651.766.727	-
Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	Công ty Con	1.651.766.727	-
Mua hàng		4.426.677.273	-
Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	Công ty Con	4.426.677.273	-
Cho vay		-	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Hòa Long	Công ty Con	-	3.000.000.000
Vay vốn		-	4.400.000.000
Phùng Ngọc Sơn	Ủy viên HĐQT	-	1.700.000.000
Công ty TNHH Nước Thuận Thành	Công ty Con	-	2.700.000.000

Mẫu số B 09 - D

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính từ ngày 01/04/2014 đến 31/03/2015

(tiếp theo)

2.3 Số dư các bên liên quan

	Quan hệ với Công ty	Từ 01/04/2013 đến 31/03/2014 VND	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015 VND
Phải thu khách hàng		-	13.250.000
Công ty Cổ Phần Nước Thuận Thành	Công ty Con	-	13.250.000
Phải thu khác		4.003.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Hòa Long	Công ty Con	4.003.000.000	3.000.000.000
Phải trả người bán		89.040.000	-
Công ty Cổ Phần Nước Thuận Thành	Công ty Con	89.040.000	-

3. Những thông tin khác**3.1 Phải thu khách hàng**

	31/03/2015 VND	01/04/2015 VND
Công ty Điện lực Tuyên Quang	-	104.119.015
Ban quản lý Dự án Năng lượng NT II Hà Tĩnh	-	220.242.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Thăng Long	-	313.490.254
Công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn	-	337.249.440
Công ty TNHH Econet Engineering	-	392.333.729
Ban Quản Lý Dự án Lưới Điện	77.821.364	123.837.000
Chương Trình Nước và Vệ sinh các Thị trấn Việt Nam	-	112.483.780
Ban quản lý dự án đầu tư Xây dựng khu tái định cư Gia Minh	129.800.000	-
BQLDA Cải thiện Điều kiện vệ sinh Môi trường TP Hải Phòng	185.326.239	-
BQLDA Nâng cấp đô thị Hải Phòng	212.070.000	14.667.000
BQLDA Nâng cấp đô thị vùng đồng bằng Sông Cửu Long	294.763.051	-
BQLDA Hợp phần phát triển toàn diện KTXH đô thị Hưng Yên	544.235.534	1.463.417.868
Ban quản lý đầu tư xây dựng công trình dân dụng tỉnh Lạng Sơn	947.058.665	216.312.420
BQLDA phát triển toàn diện KTXH TP. Việt Trì	973.488.250	226.550.976
Ban quản lý dự án vệ sinh Môi trường thành phố Quy Nhơn	-	1.000
Công ty Cổ Phần Nước Thuận Thành	-	13.250.000
Ban Quản lý dự án Năng Lượng Nông Thôn II tỉnh Thái Nguyên	-	18.120.000
Công ty Điện Lực 1- Điện Lực Quảng Ninh	-	23.252.917
Công ty Điện lực Nam Định	-	48.458.000
Ban Quản lý dự án Năng Lượng NT II - Vĩnh Phúc	-	63.646.000
Ban Quản lý dự án Nâng Cấp Đô Thị TP Cần Thơ	-	68.049.000
Điện Lực Thái Bình-Công ty Điện Lực I	-	68.880.000
Điện lực Bắc Giang - Công ty điện lực I	709.605	709.605
Điện Lực Vĩnh Phúc - Công ty Điện Lực 1	3.904.255	3.904.255

Mẫu số B 09 - D

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính từ ngày 01/04/2014 đến 31/03/2015

(tiếp theo)

Ban quản lý Dự án chuyên ngành Xây dựng- Sở Xây dựng tỉnh Bắc Cạn	8.054.000	8.054.000
Công ty Điện lực Thanh Hóa	8.253.617	90.789.789
Công ty Cổ phần đầu tư Xây dựng và phát triển nông thôn 658	9.582.000	9.582.000
Công ty Liên doanh khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo	12.131.000	12.131.000
Ban quản lý Dự án Năng Lượng Nông Thôn II Phú Thọ	14.603.000	14.603.000
Công ty TNHH 1 Thành Viên Cấp Nước Hải Phòng	29.199.352	29.199.352
Ban Quản lý dự án năng lượng NT II Thanh Hoá	45.000.000	50.775.600
Công ty Điện lực Hà Nam	48.000.000	48.000.000
Các đối tượng khác	179.436.829	571.405.518
Tổng cộng	3.543.999.932	4.096.109.000

3.2 Trả trước cho người bán

	31/03/2015 VND	01/04/2014 VNI
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Thái Sơn	90.000.000	90.000.000
Trung tâm Phân tích và Chuyển giao công nghệ môi trường	54.750.000	-
Urban Integrated Consultants, INC (UICI)	-	210.750.000
Công ty Cổ phần VINNO Việt Nam	9.000.000	-
Công ty CP thiết kế và Phát triển đô thị UDEC- Group	-	49.436.000
Các đối tượng khác	20.000.000	182.964.005
Tổng cộng	173.750.000	533.150.005

3.3 Tài sản ngắn hạn khác

	31/03/2015 VND	01/04/2014 VNI
Tạm ứng	1.215.337.905	6.242.420.502
Phùng Ngọc Sơn	28.000.000	55.000.000
Hoàng Hoa	-	80.000.000
Đặng Thị Hà	41.912.955	84.250.000
Đặng Đức Trung	-	95.000.000
Trần Thị Minh Huệ	-	100.000.000
Lê Thị Vinh	-	136.000.000
Nguyễn Thanh Thuận	-	150.000.000
Bùi Thị Xuyên	410.000.000	302.000.000
Nguyễn Thị Hà	-	400.137.938
Trần Bắc Mỹ	171.805.142	401.050.000
Nguyễn Thị Thu Phương	-	630.516.000
Nguyễn Thị Vân Anh	-	820.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính từ ngày 01/04/2014 đến 31/03/2015

(tiếp theo)

Chi phí khấu hao TSCĐ	209.657.503	534.577.669
Thuế, phí và lệ phí	29.047.742	15.052.632
Chi phí dự phòng	(645.834.337)	322.128.815
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.075.970.288	1.034.394.095
Chi phí bằng tiền khác	605.044.272	1.567.672.592
Tổng cộng	8.017.076.124	8.102.185.340

3.7 Thu nhập khác

	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015	Từ 01/04/2013 đến 31/03/2014
	VND	VND
Thu từ thanh lý, đem đi góp vốn tài sản	274.343.091	136.363.636
Chênh lệch đánh giá tài sản góp vốn	-	801.051.857
Thu phí chuyển nhượng cổ phần	-	13.242.570
Thu nhập khác	801.925.397	5.764.980
Tổng cộng	1.076.268.488	956.423.043

3.8 Chi phí khác

	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015	Từ 01/04/2013 đến 31/03/2014
	VND	VND
Chi phí thanh lý, đem đi góp vốn tài sản	-	227.525.245
Xử lý công nợ	-	18.393.973
Lãi chậm nộp BHXH	-	12.352.735
Chi phí khác	4.254.554	
Tổng cộng	4.254.554	258.271.953

4. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2013 đến ngày 31/03/2014 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG

Người lập



Bùi Thị Xuyên

Kế toán trưởng



Lê Thành Đồng

Tổng giám đốc



Nguyễn Quang Huân